

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện và đề xuất mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc**

Thực hiện Công văn số 1113/UBND-TCCB ngày 05/7/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc đề xuất mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ cơ quan công tác dân tộc; Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau

#### **I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI, DÂN TỘC THIỂU SỐ CỦA TỈNH**

##### **1. Đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và số lượng, cơ cấu dân tộc thiểu số**

###### **1.1. Điều kiện tự nhiên:**

Vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi gồm 61 xã, 08 thôn thuộc 05 huyện miền núi và các huyện đồng bằng (gồm: Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành). Tổng diện tích tự nhiên toàn vùng trên 324.932ha (chiếm 63,02% của tỉnh); trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là 60.513 ha (chiếm 18,62%), đất lâm nghiệp là 243.184 ha (chiếm 74,84%); đất chuyên dùng là 6.584 ha (chiếm 03%) và đất ở là 2.121 (chiếm 0,65%). Đây là vùng đất có địa hình khá phức tạp, nhiều đồi núi cao hiểm trở, thường xuyên chịu ảnh hưởng tiêu cực của thiên tai và biến đổi khí hậu; là địa bàn xung yếu về an ninh quốc phòng của tỉnh.

###### **1.2. Tình hình kinh tế - xã hội**

Trong những năm qua, kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục tăng trưởng; mục tiêu giảm hộ nghèo đạt kết quả tốt, đầu năm 2022, toàn vùng đồng bào DTTS&MN có 23.099 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 35,64%; có 9.204 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,2% đến cuối năm, trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%; có 06 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%; 100% xã có điện lưới quốc gia; Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, cứng hóa; 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp; Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc luôn được quan tâm.

- Về giáo dục: Toàn vùng có 07 trường PTDTNT (01 trường THPT DTNT tỉnh và 06 trường THCS DTNT huyện ở 05 huyện miền núi) với tổng chỉ tiêu học

sinh DTNT là 1.900 học sinh; và 32 trường PTDTBT (TH: 06 trường; TH-THCS: 17 trường; THCS: 09 trường) với tổng số học sinh 10.345 học sinh; 100% xã có trường, lớp mầm non chuẩn quốc gia, tỷ lệ trẻ mầm non ra lớp đạt 92,96%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt; 100% trẻ học 2 buổi/ngày và tỷ lệ được ăn tại trường tăng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm nhiều so với các năm trước. Tại 05 huyện miền núi có 16/71 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 22,53%); có 18/35 trường tiểu học đạt chuẩn (tỷ lệ 51,42%); có 22/70 trường THCS đạt chuẩn (tỷ lệ 31,42%) và 4/10 trường THPT đạt chuẩn (tỷ lệ 40,00%) đạt chuẩn.

- Về y tế: Công tác y tế được triển khai thực hiện toàn diện, đầy đủ và hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế; phòng, chống HIV/AIDS; Vệ sinh an toàn thực phẩm, Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Dự án Vệ sinh nông thôn thuộc CTMTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và các hoạt động y tế do ngành y tế quản lý. Mạng lưới y tế cơ sở ngày càng được củng cố và hoàn thiện, 100% xã có trạm Y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, cơ cấu cán bộ được đảm bảo 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 53,2%; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi đạt 27,75%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em (tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,02; tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,51)...

- Về an ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp; đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Các cấp, các ngành, các địa phương chủ động nắm bắt tình hình an ninh, trật tự xã hội. Tuy nhiên, cũng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp của các thế lực thù địch, các tà giáo, mị dân...

**1.3. Dân số, dân tộc:** Dân số toàn vùng có 248.494 khẩu/65.660 hộ; dân tộc thiểu số là 192.337 người<sup>1</sup>, chiếm 13,73% dân số toàn tỉnh, gồm các dân tộc H're, Co, Ca Dong và các dân tộc thiểu số khác.

**1.4. Vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh** có 61 xã (gồm: 06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III) và 241 thôn (gồm: 235 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I và 02 thôn ĐBKK thuộc xã có thôn thuộc vùng DTTS&MN) thuộc 05 huyện miền núi và các huyện đồng bằng: Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành. Theo kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, toàn vùng có 52 xã khu vực III, 03 xã khu vực II, 06 xã khu vực I; có: 341 thôn ĐBKK (235 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBKK thuộc xã

<sup>1</sup> Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh

khu vực II, 01 thôn ĐBK thuộc xã khu vực I, 02 thôn ĐBK thuộc xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; có 02 huyện nghèo là Trà Bồng và Sơn Tây.

## **2. Tình hình an ninh, chính trị, tôn giáo tại vùng dân tộc thiểu số**

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp; đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Các cấp, các ngành, các địa phương chủ động nắm bắt tình hình an ninh, trật tự xã hội. Tuy nhiên, cũng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp của các thế lực thù địch, các tà giáo, mị dân..

## **3. Những tác động ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

Vùng DTTS và miền núi của tỉnh có xuất phát điểm thấp về phát triển - xã hội; trong những năm qua, mặc dù tình hình kinh tế - xã hội có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn phát triển chậm, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao, công tác giảm nghèo còn thiếu bền vững, chất lượng nguồn nhân lực thấp, đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, còn tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở vùng đồng bào DTTS sinh sống ít, không tập trung; tập quán sản xuất còn manh mún, chậm thay đổi; phần lớn sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ chưa đúng với giá trị thực tế nên hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp thấp. Hệ thống giao thông đã được quan tâm đầu tư nhưng tỉ lệ đường thôn, liên thôn được cứng hoá còn thấp, chủ yếu vẫn là đường đất. Mỗi DTTS (Hrê, Co, Cadong) hình thành những khu vực cư trú riêng, vẫn còn một bộ phận cư dân sinh sống tách biệt, rải rác thành các nhóm nhỏ ở địa bàn hiểm trở phức tạp, giao thông đi lại khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo của đồng bào DTTS của tỉnh vẫn chiếm tỷ lệ khá cao; an sinh xã hội giữa miền núi và đồng bằng có sự chênh lệch lớn, đời sống của các DTTS còn khó khăn; an ninh, trật tự còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Mê tín dị đoan, nghi kỵ cầm đồ thuốc độc; học sinh bỏ học; tình trạng tảo hôn; tranh chấp, khiếu kiện đông người; khai thác lâm sản, khoáng sản trái pháp luật; xâm canh, xâm cư đất rừng phòng hộ, tranh chấp đất rừng xảy ra ở một số nơi,...

## **4. Các chính sách tác động đến mô hình tổ chức, bộ máy cơ quan công tác dân tộc ở địa phương trong thời gian qua**

Quốc hội ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN mang tính đầu tư tổng thể trên các lĩnh vực kinh tế -

xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục. cơ quan công tác dân tộc ở địa phương là cơ quan thường trực của Chương trình này. Các dự án, tiểu dự án của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai. Do đó, yêu cầu đối với đội ngũ công chức làm công tác dân tộc ngoài năng lực, trình độ chuyên môn còn phải đảm bảo đủ số lượng nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc.

## **II. THỰC TRẠNG VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC, BỘ MÁY CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC Ở ĐỊA PHƯƠNG.**

### **1. Cấp tỉnh**

#### **1.1. Quá trình hình thành**

Năm 2004: Căn cứ Nghị định số 51/2003/NĐ-CP ngày 16/5/2003 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc; Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2004 của Chính phủ, về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc UBND các cấp; Thông tư liên tịch số 246/2004/TTLT-UBND-BNV ngày 06/5/2004 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã Quyết định thành lập Ban Dân tộc tỉnh trên cơ sở Ban Dân tộc và Miền núi tỉnh; đồng thời ban hành Quyết định số 189/2004/QĐ-UB ngày 17/8/2004 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi. Cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh gồm 02 phòng: phòng Chính sách Dân tộc và Văn phòng.

Năm 2015: Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Trên cơ sở đó ngày, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi gồm có 03 phòng: Văn phòng, Phòng Chính sách Dân tộc, Thanh tra, Truyền truyền và Địa bàn, Kế hoạch - Tổng hợp.

Năm 2022: Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 Quy

định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ cấu tổ chức Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi hiện có 03 phòng: Văn phòng, Thanh tra và phòng Chính sách Dân tộc. Biên chế được giao và đang sử dụng: 17 người, trong đó có 04 công chức là người DTTS, chiếm tỷ lệ 23,53%, bao gồm: Lãnh đạo Ban: 03 người, Văn phòng: 05 người (DTTS: 02), Thanh tra: 03 người (DTTS: 02, phòng Chính sách Dân tộc: 6 người).

### 1.2. Chức năng, nhiệm vụ qua các thời kỳ:

Chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc tỉnh được thực hiện theo quy định tại Thông tư 07/2014/TT-UBND, Thông tư 01/2021/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc

1.3. Đánh giá sự giống nhau, khác nhau về chức năng, nhiệm vụ qua các thời kỳ: *(Có biểu kèm theo)*

1.4. Đánh giá sự trùng lặp chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành tại địa phương với Ban Dân tộc tỉnh. Những bất cập trong việc phân công nhiệm vụ cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh

Nhìn chung, việc phân công nhiệm vụ, quy định chức năng, nhiệm vụ giữa các sở, ngành và cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh không có sự trùng lặp theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện ở một số lĩnh vực có tính chất phân ngành như y tế, giáo dục, công tác cán bộ, nông nghiệp, giao thông, xây dựng ... thì các cơ quan chuyên môn khác của cấp tỉnh vẫn có thể thực hiện, tổng hợp, báo cáo.

## 2. Cấp huyện

2.1 Quá trình hình thành, tách, nhập cấp phòng qua các thời kỳ. Lý do thay đổi.

Trước năm 2008 là Phòng Dân tộc và Tôn giáo, từ năm 2008 đến năm 2009 sáp nhập lại Văn phòng HĐND&UBND huyện - Bộ phận công tác dân tộc, từ năm 2010 tách ra thành lập Phòng Dân tộc thuộc UBND huyện.

Phòng Dân tộc tách, nhập, thành lập theo các quy định tại các Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2004 của Chính phủ về kiện toàn bộ máy làm công tác dân tộc thuộc UBND các cấp; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; Thông tư liên tịch số 246/2004/TTLT-UBND-BNV ngày 06/5/2004 của UBND và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp UBND huyện quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ.

## 2.2 Số lượng phòng hiện có.

- Tỉnh Quảng Ngãi có 05 huyện đủ điều kiện thành lập phòng Dân tộc, hiện nay cả 05 huyện đều có phòng Dân tộc theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Số lượng biên chế hiện có trên số được giao như sau:

Phòng Dân tộc huyện Minh Long có 02/02 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 chuyên viên tổng hợp; số lượng người dân tộc thiểu số 02/02 người, chiếm tỷ lệ 100%.

Phòng Dân tộc huyện Sơn Hà có 03/03 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 02 chuyên viên; số lượng người dân tộc thiểu số 02/03, chiếm tỷ lệ 66,66%..

Phòng Dân tộc huyện Ba Tơ có 03/04 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 01 chuyên viên; số lượng người dân tộc thiểu số 01/04, chiếm tỷ lệ 25%..

Phòng Dân tộc huyện Trà Bồng: có 05/05 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng, 02 chuyên viên; số lượng người dân tộc thiểu số 01/05, chiếm tỷ lệ 20%..

Phòng Dân tộc huyện Sơn Tây có 03/03 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 01 chuyên viên; số lượng người dân tộc thiểu số 01/03, chiếm tỷ lệ 33%.

## 2.3. Chức năng, nhiệm vụ của phòng Dân tộc huyện qua các thời kỳ

Chức năng nhiệm vụ qua các thời kỳ được quy định tại các Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-UBND-BNV ngày 17/9/2010, Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/11/2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ, Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01/11/2021 của UBND hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quy định như sau:

Phòng Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của UBND cấp huyện và theo quy định của pháp luật. Phòng Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của UBND cấp huyện, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc tỉnh.

- Đánh giá sự giống, khác nhau về chức năng, nhiệm vụ của cấp phòng qua các thời kỳ. Hạn chế, khó khăn khi triển khai nhiệm vụ.

Chức năng Phòng Dân tộc không thay đổi, tuy nhiên nhiệm vụ được bổ sung qua các thời kỳ được quy định tại các Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-UBND-BNV ngày 17/9/2010, Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/11/2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ, Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01/11/2021 của UBND.

- Đánh giá sự trùng lặp chức năng, nhiệm vụ của các các phòng, ban tại cấp huyện với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Những bất cập trong việc phân công nhiệm vụ cho cơ quan quản lý công tác dân tộc tại cấp huyện. Đề xuất giải pháp:

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban ở huyện với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc không trùng lặp giữa các phòng ban khác ở huyện.

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Dân tộc:**

Hiện nay, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh được phê duyệt trên Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư 01/2021/TT-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện quy định. Do chưa có hướng dẫn thống nhất của bộ ngành Trung ương về cơ cấu tổ chức và định biên biên chế của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh nên tên gọi và chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn ở các tỉnh khác nhau trong khi chức năng, nhiệm vụ chung của ngành cấp tỉnh giống nhau nhau. Hiện nay, cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện được giao chỉ tiêu biên chế thấp (Ban Dân tộc tỉnh: 17 biên chế, các huyện từ 2-5 biên chế), chưa tương xứng với khối lượng công việc được giao nên rất khó khăn cho địa phương trong việc hoàn thành tốt nhiệm vụ về công tác dân tộc.

Ngoài ra, mô hình tổ chức công tác dân tộc ở các địa phương cũng khác nhau do không có quy định chung cơ cấu tổ chức bộ máy của ngành, dẫn đến quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban của ngành không thống nhất, khó khăn trong liên hệ, trao đổi công tác với khối lượng công việc trong giai đoạn hiện nay so với biên chế thì quá tải, biên chế chưa tương xứng với khối lượng công việc được giao.

Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Dân tộc cấp huyện được thực hiện đảm bảo các quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Dân tộc theo quy định tại Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND.

#### **4. Đánh giá việc sáp nhập cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh, giải thể phòng dân tộc cấp huyện.**

Ban Dân tộc tỉnh, Phòng Dân tộc cấp huyện không sáp nhập, giải thể theo Nghị quyết số 18-NQ-TW của BCH Trung ương khóa XII và các Nghị quyết khác nên không ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc.

Trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, nhất là trong giai đoạn thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, việc sáp nhập Ban Dân tộc cấp tỉnh và phòng Dân tộc cấp huyện sẽ gây khó khăn cho địa phương trong việc thực hiện chương trình, chính sách dân tộc vùng đồng bào DTTS và miền núi.

### **III. ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC**

#### **Chức năng, nhiệm vụ**

Với chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư 01/2021/TT-UBDT hiện nay vẫn còn nhiều điểm chung chung, chưa cụ thể như tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình về công tác dân tộc được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc ở địa phương, thực hiện hợp tác quốc tế về công tác dân tộc.

2. Cơ cấu tổ chức: Đề nghị có quy định thống nhất cơ cấu tổ chức cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh gồm 03 phòng: Văn phòng, phòng Chính sách Dân tộc, phòng tuyên truyền và Địa bàn. Biên chế nên quy định tỷ lệ thuận với số lượng đơn vị hành chính cấp huyện và dân số người dân tộc thiểu số.

Đề xuất tăng thêm vị trí việc làm và số lượng biên chế công chức chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Dân tộc, vì với số lượng biên chế hiện có ít so với khối lượng công việc hiện nay rất lớn nên nhiều lúc tham mưu chưa kịp thời so với quy định.

#### **3. Tiêu chí thành lập**

Đề nghị giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

4. Kiến nghị hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Cần có Ban Dân tộc cấp tỉnh và phòng Dân tộc cấp huyện để đảm bảo hệ thống cơ quan công tác dân tộc hoạt động thông suốt từ địa phương đến Trung ương. Đề xuất tăng thêm vị trí việc làm và định mức biên chế cơ quan



công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện vì với số lượng biên chế hiện có ít so với khối lượng công việc và chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

1. Quốc Hội: Xem xét việc bố trí phụ cấp đặc thù (phụ cấp ngành) cho cán bộ, công chức công tác trong ngành dân tộc để động viên tinh thần cho cán bộ, công chức gắn bó lâu dài và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

2. Ủy ban Dân tộc:

- Sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ cơ quan công tác dân tộc ở địa phương để phù hợp với nhiệm vụ thực hiện và trong giai đoạn đến.

- Quy định thống nhất về cơ cấu tổ chức, bộ máy cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh; quy định định mức biên chế tối thiểu trên cơ sở dân số người dân tộc thiểu số ở địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện: Quan tâm bổ sung tăng biên chế cho Ban Dân tộc tỉnh, phòng Dân tộc cấp huyện.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Dân tộc;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu VT.

**TRƯỞNG BAN**

**Trần Văn Mẫn**

**PHỤ LỤC**  
**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN DÂN TỘC TỈNH TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chức năng, nhiệm vụ theo TT 07/2014/TT-UBND</b>	<b>Chức năng, nhiệm vụ theo TT 01/2021/TT-UBND</b>
	Vị trí chức năng	<p>1. Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.</p> <p>2. Ban Dân tộc tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.</p>	<p>1. Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>2. Ban Dân tộc tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.</p>
	Nhiệm vụ	<p>1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh:</p> <p>a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.</p> <p>b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng,</p>	<p>1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:</p> <p>a) Ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh:</p> <p>Quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án và chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; Phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc cho Ban Dân tộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền</p>

	<p>nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc.</p> <p>c) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Ban; Trưởng, Phó phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>2. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:</p> <p>a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác dân tộc.</p> <p>b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị của Ban theo quy định của Pháp luật.</p> <p>c) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.</p> <p>3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên</p>	<p>hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc;</p> <p>Thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực công tác dân tộc và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.</p> <p>b) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về lĩnh vực công tác dân tộc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương theo quy định của Đảng, của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.</p> <p>2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:</p> <p>a) Ban hành quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Dân tộc (nếu có);</p> <p>b) Ban hành Quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực quản lý nhà nước của Ban Dân tộc.</p> <p>3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác dân tộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.</p> <p>4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì, quản lý, chỉ đạo; các chính sách, đề án, công tác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các</p>
--	--	--

	<p>địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p> <p>4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế-xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p> <p>5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p> <p>6. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản</p>	<p>chủ trương, biện pháp để giải quyết công tác xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và công tác khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p> <p>5. Tham mưu, tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu xuất sắc: trong công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc; trong lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn an ninh, trật tự góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.</p> <p>6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xác định xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển; các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; quyết định công nhận, bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín.</p> <p>7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công</p>
--	--	---

	<p>xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.</p> <p>7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p> <p>8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc được phân công theo quy định, của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân Tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.</p> <p>10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên</p>	<p>chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p> <p>8. Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và các lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.</p> <p>10. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật.</p> <p>11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số, xem xét giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan</p>
--	--	--

	<p>quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p> <p>13. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.</p>	<p>đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p> <p>13. Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ công chức, viên chức dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm hợp lý cơ cấu tỷ lệ thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.</p> <p>14. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức biểu dương, tuyên dương giáo viên; học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p> <p>15. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Ban Dân tộc; mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị thuộc Ban Dân tộc tỉnh theo quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>16. Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm,</p>
--	---	---

	<p>14. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo hướng dẫn chung của Ủy ban Dân tộc và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>15. Quản lý tổ chức bộ máy; biên chế, cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc.</p> <p>17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giao và theo quy định của pháp luật.</p>	<p>ơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (<i>nếu có</i>) và số lượng người làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Ban Dân tộc tỉnh; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Dân tộc tỉnh theo quy định và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>17. Thực hiện công tác thống kê, công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc.</p> <p>18. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>19. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.</p>
--	---	--

